|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hải Phòng, ngày tháng năm 2025* |

**BẢN THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO**

**Quyết định ban hành Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý**

**chất thải rắn y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Quyết định ban hành Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng với các văn bản hiện hành như sau:

**1. So sánh với Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố**

| **VĂN BẢN HIỆN HÀNH** | **DỰ THẢO VĂN BẢN** | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- |
| **I. Dự thảo Quyết định ban hành Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng** | | |
| **Điều 1** | **Điều 1** | Giữ nguyên như văn bản hiện hành. |
| **Điều 2** | **Điều 2** | Sửa đổi, bổ sung các Quyết định bị bãi bỏ sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành. |
| **Điều 3** | **Điều 3** | Lược bỏ Ủy ban nhân dân cấp huyện. |
| **II. Dự thảo** **Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng** | | |
| **Điều 1** | **Điều 1** | Giữ nguyên như văn bản hiện hành. |
| **Điều 2** | **Điều 2** | Giữ nguyên như văn bản hiện hành. |
| **Điều 3** | **Điều 3** | Giữ nguyên như văn bản hiện hành. |
| **Điều 4** | **Điều 4** | Sửa đổi “Trung tâm y tế cấp huyện” thành “Trung tâm y tế khu vực” theo Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng. |
| **Điều 5** | **Điều 5** | Cập nhật Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng. |
| **Điều 6** | **Điều 6** | Sửa đổi “Trung tâm y tế cấp huyện” thành “Trung tâm y tế khu vực” theo Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng. |
| **Điều 7** | **Điều 7** | Sửa đổi “Trung tâm y tế cấp huyện” thành “Trung tâm y tế khu vực” theo Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng. |
| **Điều 8** | **Điều 8** | Tại điểm a Khoản 2, sửa “Trung tâm y tế tại các huyện đảo” thành “Trung tâm y tế tại các đặc khu”  Sửa đổi “Trung tâm y tế cấp huyện” thành “Trung tâm y tế khu vực” |
| **Điều 9** | **Điều 9** | Đổi tên Bộ Tài nguyên và Môi trường thành Bộ Nông nghiệp và Môi trường Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. |
| **Điều 10** | **Điều 10** | Đổi tên Sở Tài nguyên và Môi trường thành Sở Nông nghiệp và Môi trường; đổi tên Sở Thông tin và Truyền thông thành Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định thành lập một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.  Đổi tên Đài phát thanh và Truyền hình Hải Phòng, Báo Hải Phòng thành Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng.  Lược bỏ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện.  Cập nhật chức năng nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác quản lý chất thải theo Điều 28 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. |

**2. So sánh với Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương**

| **VĂN BẢN HIỆN HÀNH** | **DỰ THẢO VĂN BẢN** | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- |
| **I. Dự thảo Quyết định ban hành Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng** | | |
| **Điều 1** | **Điều 1** | Sửa đổi Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng. |
| **Điều 2** | **Điều 2** | Sửa đổi, bổ sung các Quyết định bị bãi bỏ sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành. |
| **Điều 3** | **Điều 3** | Lược bỏ Ủy ban nhân dân cấp huyện. |
| **II. Dự thảo** **Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng** | | |
| **Điều 1** | **Điều 1** | Đảm bảo nội dung so với văn bản hiện hành. |
| **Điều 2** | **Điều 2** | Phạm vi áp dụng không có đối tượng là “cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ quan, đơn vị có phát sinh chất thải rắn y tế”.  Lý do: Việc lưu trữ, thu gom chất thải rắn y tế được thực hiện theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế. Quy định này quy định về việc vận chuyển, xử lý chất thải rắn bên ngoài khuôn viên cơ sở y tế. Do vậy đối tượng áp dụng của Quy định này giống đối tượng áp dụng tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT. |
|  | **Điều 3** | Giải thích từ ngữ |
|  | **Điều 4** | Nguyên tắc chung về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế. |
| **Điều 3**  **Điều 4** | **Điều 5**  **Điều 6** | Quy định cụ thể việc thu gom, vận chuyển đối với từng loại chất thải rắn y tế gồm chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải rắn y tế thông thường khác và chất thải rắn y tế nguy hại. |
|  | **Điều 7** | Yêu cầu đối với việc vận chuyển chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải rắn y tế thông thường khác và chất thải rắn y tế nguy hại về Trung tâm y tế khu vực |
| **Điều 5** | **Điều 8** | Trung tâm Y tế huyện Tứ Kỳ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương cấp Giấy phép môi trường số 2953/GPMT-UBND ngày 13/12/2023. Trung tâm Y tế thị xã Kinh Môn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương cấp giấy phép môi trường số 2269/GPMT-UBND ngày 18/10/2023 cho Trụ sở chính, số 2603/GPMT-UBND ngày 14/11/2023 cho cơ sở 2 Nhị Chiểu. Tuy vậy, trong các giấy phép môi trường này không có nội dung cấp phép cho hệ thống xử lý chất thải tại chỗ. Do vậy chất thải nguy hại phát sinh tại hai đơn vị này sau khi xử lý sơ bộ bằng thiết bị hấp khử khuẩn sẽ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo điểm b khoản 2 Điều 8 Dự thảo văn bản. |
|  | **Điều 9** | Chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh do dịch bệnh nguy hiểm |
| **Điều 6**  **Điều 7** | **Điều 10** | Quy định trách nhiệm của các Sở, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ sở y tế, cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế đảm bảo nội dung so với văn bản hiện hành.  Các cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ báo cáo theo quy định hiện hành tại Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế. Do vậy không quy định lại trong Dự thảo văn bản. |

**3. So sánh với Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 23/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương**

| **VĂN BẢN HIỆN HÀNH** | **DỰ THẢO VĂN BẢN** | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- |
| **I. Dự thảo Quyết định ban hành Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng** | | |
| **Điều 1** | **Điều 1** | Hiệu lực của dự thảo văn bản tại Điều 2. |
| **Điều 2** | **Điều 2** | Sửa đổi, bổ sung các Quyết định bị bãi bỏ sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành. |
| **Điều 3** | **Điều 3** | Lược bỏ Ủy ban nhân dân cấp huyện. |